

Bản án số: 94/2026/DS-ST
Ngày: 21 - 8 - 2026
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thu Hà

Bà Trần Thị Việt Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lư Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 03 năm 2026 về việc: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2026/QĐXXST-DS ngày 27/7/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị D, sinh năm: 1968 và ông Đặng Trung H1, sinh năm: 1968; cùng địa chỉ: tổ R, khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh; đều có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đinh Thị H2, sinh năm: 1971;
Địa chỉ: tổ M, khu W, phường H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt ngày 17/8/2026, vắng mặt ngày 21/8/2026 không có lý do chính đáng.

3. *Người làm chứng:* Bà Ngô Thị T; sinh năm: 1973; địa chỉ: tổ R, khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị D, ông Đặng Trung H1 trình bày:

Do có quan hệ quen biết, là hàng xóm của nhau nên nhiều lần bà D có cho bà Đinh Thị H2 vay tiền. Bà H2 đều trả gốc, lãi đầy đủ.

Ngày 20/11/2022, bà D có cho bà H2 vay số tiền 1.340.000.000 đồng (một tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng), có lập hợp đồng cho vay tiền; mục đích cho vay: bà H2

đề nghị vay tiền để mua bất động sản, lo việc gia đình; thời hạn cho vay: từ ngày 20/11/2022 đến ngày 20/10/2025. Lãi suất theo lãi suất ngân hàng cho vay.

Khi cho bà H2 vay tiền, vợ chồng bà D đang có khoản vay tín dụng tại Ngân hàng TMCP B (Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2021/15589220/HĐTD ngày 04/11/2021) nên hai bên thoả thuận theo lãi suất cho vay của ngân hàng. Thời điểm cho vay, lãi suất của ngân hàng B là 8,5%/năm.

Ngày 05/6/2023, bà D tiếp tục cho bà H2 vay số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng), có lập hợp đồng cho vay tiền; mục đích cho vay: bà H2 mua bất động sản; thời hạn cho vay: từ ngày 05/6/2023 đến ngày 05/5/2026. Lãi suất theo lãi suất ngân hàng cho vay.

Tổng số tiền bà D cho bà H2 vay là 1.890.000.000 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng). Số tiền bà D cho bà Đình Thị H2 vay là tài sản chung của hai vợ chồng bà D, ông H1.

Do vợ chồng bà D làm ăn thua lỗ, không đủ tiền trả nợ ngân hàng và chi tiêu sinh hoạt hàng ngày nên bà D có thông báo, thoả thuận lại với bà H2 về thời gian trả nợ, bà H2 phải thu xếp, trả nợ cho bà D trước thời hạn, trả số tiền 1.890.000.000 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng) tiền gốc của hai khoản vay trước ngày 20/11/2024. Bà H2 đồng ý trả nợ cho vợ chồng bà D trước ngày 20/11/2024. Hai bên có lập biên bản thoả thuận ngày 25/10/2024 để ghi nhận thoả thuận lại thời hạn trả nợ ngày 20/11/2024.

Tuy nhiên đến hạn trả nợ ngày 20/11/2024, bà H2 không trả tiền nên bà D và bà H2 có thoả thuận lại với nhau trả nợ. Hai bên thống nhất, bà H2 phải trả nợ cho vợ chồng bà D số tiền 1.890.000.000 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng) trước ngày 10/4/2025. Hai bên có lập biên bản thoả thuận ngày 10/12/2024 để ghi nhận thoả thuận lại thời hạn trả nợ ngày 10/4/2025.

Đến hạn trả nợ ngày 10/4/2025, bà H2 không trả nợ cho bà D, bà D có đòi thì bà H2 yêu cầu cho thêm thời gian trả nên bà D và bà H2 thoả thuận lại thời hạn trả 1.890.000.000 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng) trước ngày 04/10/2025. Hai bên có lập biên bản thoả thuận ngày 30/4/2025 để ghi nhận thoả thuận lại thời hạn trả nợ ngày 04/10/2025.

Đến hạn trả nợ ngày 04/10/2025, bà H2 không trả nợ đúng hạn, đến nay bà H2 chưa trả được khoản tiền gốc, tiền lãi vay nào; nhận thấy bà H2 không thực hiện đúng cam kết về việc trả nợ nên vợ chồng bà D khởi kiện vụ việc ra Toà án yêu cầu:

- Buộc bà Đình Thị H2 trả lại số tiền gốc đã vay là 1.890.000.000 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng);

- Buộc bà Đình Thị H2 trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là 386.382.054 đồng, cụ thể:

- + Số tiền vay 1.340.000.000 đồng vay từ ngày 20/11/2022 đến ngày 20/11/2024, lãi suất cho vay của ngân hàng B trong khoảng thời gian trên là 8%/năm.

Tiền lãi là 1.340.000.000 đồng x 8%/năm x 02 năm = 214.400.000 đồng.

- Số tiền vay 1.340.000.000 đồng vay từ ngày 20/11/2024 đến ngày 20/11/2025, lãi suất cho vay của ngân hàng B trong khoảng thời gian trên là 5,7%/năm.

Tiền lãi là $1.340.000.000 \text{ đồng} \times 5,7\%/năm \times 01 \text{ năm} = 76.380.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền vay 550.000.000 đồng vay từ ngày 05/6/2023 đến ngày 20/11/2024, lãi suất vay cho vay của ngân hàng B trong khoảng thời gian trên là 8%/năm.

Tiền lãi là $550.000.000 \text{ đồng} \times 8\%/năm \times (533/365) \text{ năm} = 64.252.054 \text{ đồng}$

- Số tiền vay 550.000.000 đồng vay từ ngày 20/11/2024 đến ngày 20/11/2025, lãi suất vay cho vay của ngân hàng B trong khoảng thời gian trên là 5,7%/năm $\times 01 \text{ năm} = 31.350.000 \text{ đồng}$

Tổng số tiền bà Đinh Thị H2 phải trả là **2.276.382.054** đồng (hai tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm tám mươi hai nghìn không trăm năm mươi tư đồng).

* Quá trình tố tụng, bị đơn bà Đinh Thị H2 trình bày:

Tại bản tự khai hồi 15 giờ ngày 26/5/2026, bà Đinh Thị H2 cho rằng khoản tiền 1.890.000.000 đồng tiền gốc và 386.382.054 đồng nguyên đơn đang khởi kiện yêu cầu bà phải hoàn trả là quá sức, đề nghị được bắt đầu trả từ cuối năm 2027.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh hồi 16 giờ 30 phút ngày 26/5/2026, bà Đinh Thị H2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thừa nhận có vay nợ của nguyên đơn số tiền 860.000.000 đồng, cụ thể: năm 2022, bà H2 có vay tiền bà D, vay thành 02 đợt: đợt 1 là 20 suất, mỗi suất là 20.000.000 đồng, tổng số tiền vay 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng); đợt 2 là 23 suất, mỗi suất là 20.000.000 đồng, tổng số tiền vay 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu đồng). Tổng số tiền vay là 860.000.000 đồng (tám trăm sáu mươi triệu đồng). Do thời gian đã lâu nên không nhớ cụ thể là vay ngày nào. Hai bên thỏa thuận mỗi tháng bà H2 trả cả gốc và lãi là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)/suất vay; thời hạn là 18 tháng. Hai bên có lập giấy vay tiền nhưng do tin tưởng nhau nên chỉ lập 1 bản, giao cho bà D giữ, bà H2 không giữ giấy vay tiền. Bà H2 đã trả một phần lãi nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu tiền nhưng đã ký vào sổ nợ của bà D. Khoản vay là khoản bà H2 vay cá nhân, không liên quan đến chồng hay người thứ 3; kèm theo phần trình bày, bà H2 không đưa ra được chứng cứ chứng minh chỉ nợ bà D 860.000.000 đồng và đã trả một phần lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 25/6/2026, bà Đinh Thị H2 thừa nhận nợ số tiền gốc là 1.890.000.000 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng); tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tạm tính đến ngày 20/11/2025 là 386.382.054 đồng, tổng số nợ là **2.276.382.054** đồng (hai tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm tám mươi hai nghìn không trăm năm mươi tư đồng). Bà H2 không có ý kiến gì đối với số nợ gốc, nợ lãi này, tuy nhiên hiện nay không có khả năng trả nợ một lần, đề nghị nguyên đơn giảm tiền lãi, giãn thời gian trả nợ cho đến tháng 10/2027.

Người làm chứng Ngô Thị T có lời khai thừa nhận: năm 2022, bà Phạm Thị D có cho và Đinh Thị H2 vay số tiền 1.340.000.000 đồng; năm 2023 bà D cho bà H2

vay tiếp số tiền 550.000.000 đồng, tổng số tiền cho vay là 1.890.000.000 đồng. Bà T có nghe bà D và bà H2 thỏa thuận với nhau về số tiền vay nêu trên và ký vào hợp đồng cho vay tiền với tư cách là người làm chứng. Tuy nhiên, việc bà D giao tiền vay cho bà H2 như thế nào bà T không biết, không được chứng kiến. Do bà H2 không trả tiền vay đúng hạn nên bà D có nói chuyện với tôi, rủ tôi lên nhà bà H2 đòi nợ. Bà H2 hứa sẽ trả, xin được lùi thời gian trả nợ 1.890.000.000 đồng vào ngày 20/11/2024. Bà H2 không trả đúng hạn nên bà H2 lại xin lùi thời gian trả 1.890.000.000 đồng trước ngày 10/4/2025, sau tiếp tục lùi thời gian trả trước ngày 04/10/2025. Sau đó bà H2 có xin lùi thời gian trả nợ nữa hay không thì bà T không biết. Bà T chứng kiến sự việc đúng như hợp đồng vay tiền ngày 20/11/2022, hợp đồng vay tiền ngày 5/6/2023, các biên bản thỏa thuận ngày 25/10/2024, 10/12/2024 và 30/4/2025.

Ngày 15/6/2026, Tòa án mở phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: tại phiên họp bà D, ông H1, bà H2 thống nhất số tiền bà H2 nợ bà D, ông H1 là: nợ gốc: 1.890.000.000 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng); tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tạm tính đến ngày 20/11/2025 là 386.382.054 đồng, tổng số nợ là **2.276.382.054** đồng (hai tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm tám mươi hai nghìn không trăm năm mươi tư đồng). Bà H2 có quan điểm, hiện nay không có khả năng trả nợ một lần, đề nghị nguyên đơn giảm tiền lãi, giãn thời gian trả nợ cho đến tháng 10/2027. Các bên không thống nhất được với nhau về phương án trả nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà D, ông H1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bà H2 phải trả số tiền gốc 1.890.000.000 đồng; số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tạm tính đến ngày 20/11/2025 là 386.382.054 đồng; ngoài ra còn yêu cầu bà H2 phải trả số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày 20/11/2025 đến đến ngày 21/8/2026 (lãi suất 9%/năm) tiền lãi là 128.157.534 đồng (gồm từ ngày 20/11/2025 đến thời điểm ngày 17/8/2026 tiền lãi là 126.293.424 đồng, từ ngày 18/8/2026 đến ngày 21/8/2026 tiền lãi là 1.864.110 đồng). Tổng số tiền yêu cầu bà Đinh Thị H2 có nghĩa vụ trả là **2.404.539.588 đồng** (hai tỷ bốn trăm linh bốn triệu năm trăm ba mươi chín nghìn năm trăm tám mươi tám đồng).

Tại phiên tòa bị đơn bà Đinh Thị H2 thừa nhận số tiền nợ gốc như nguyên đơn yêu cầu, thống nhất tính lãi theo như trong giấy vay tiền và số tiền lãi nguyên đơn đã nêu. Do hoàn cảnh tại thời điểm hiện tại không có khả năng trả ngay, đề nghị được nguyên đơn miễn đối với số tiền lãi, trường hợp không miễn tiền lãi thì đề nghị tính lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm, xin được bắt đầu trả dần từ tháng 10/2027.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 198, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án; người tham gia tố

tung thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tổ tụng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 78 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về nội dung: căn cứ Điều 423, Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị D, ông Đặng Trung H1: buộc bà Đinh Thị H2 trả cho bà Phạm Thị D, ông Đặng Trung H1 số tiền nợ gốc là 1.890.000.000đ (một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng) và toàn bộ số tiền lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Phạm Thị D, ông Đặng Trung H1 khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Đinh Thị H2 trả tiền nợ, bà H2 cư trú và sinh sống tại phường H, tỉnh Quảng Ninh. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh theo khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

- Về sự vắng mặt của người làm chứng: Bà Ngô Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về số tiền gốc:

Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 20/11/2022, bà D cho bà H2 vay số tiền 1.340.000.000 đồng (một tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng); mục đích cho vay: để mua bất động sản; thời hạn cho vay: từ ngày 20/11/2022 đến ngày 20/10/2025. Lãi suất theo lãi suất ngân hàng cho vay.

Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 05/6/2023, bà D cho bà H2 vay số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng); mục đích cho vay: để mua bất động sản và kinh doanh hàng tạp hóa; thời hạn cho vay: từ ngày 05/6/2023 đến ngày 5/5/2026. Lãi suất theo lãi suất ngân hàng cho vay.

Căn cứ các biên bản thỏa thuận: ngày 25/10/2024, ngày 10/12/2024 và ngày 30/4/2025 và sự thừa nhận của bị đơn Đinh Thị H2, xác nhận số tiền gốc bị đơn nợ nguyên đơn là 1.890.000.000 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng).

Về tiền lãi: nguyên đơn yêu cầu tính lãi:

- Số tiền vay 1.340.000.000 đồng vay từ ngày 20/11/2022 đến ngày 20/11/2024, lãi suất cho vay của ngân hàng B trong khoảng thời gian trên là 8%/năm.

Tiền lãi là 1.340.000.000 đồng x 8%/năm x 02 năm = 214.400.000 đồng.

- Số tiền vay 1.340.000.000 đồng vay từ ngày 20/11/2024 đến ngày 20/11/2025, lãi suất cho vay của ngân hàng B trong khoảng thời gian trên là 5,7%/năm.

Tiền lãi là $1.340.000.000 \text{ đồng} \times 5,7\%/năm \times 01 \text{ năm} = 76.380.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền vay 550.000.000 đồng vay từ ngày 05/6/2023 đến ngày 20/11/2024, lãi suất vay cho vay của ngân hàng B trong khoảng thời gian trên là 8%/năm.

Tiền lãi là $550.000.000 \text{ đồng} \times 8\%/năm \times (533/365) \text{ năm} = 64.252.054 \text{ đồng}$

- Số tiền vay 550.000.000 đồng vay từ ngày 20/11/2024 đến ngày 20/11/2025, lãi suất vay cho vay của ngân hàng B trong khoảng thời gian trên là 5,7%/năm x 01 năm = 31.350.000 đồng

Tại phiên tòa, nguyên đơn bổ sung yêu cầu số tiền lãi của 1.890.000.000 đồng từ 20/11/2025 đến thời điểm ngày 17/8/2026 (lãi suất 9%/năm) tiền lãi là 126.293.424 đồng, từ ngày 18/8/2026 đến ngày 21/8/2026 (lãi suất 9%/năm) tiền lãi là 1.864.110 đồng. Tổng số tiền yêu cầu bà Đinh Thị H2 có nghĩa vụ trả cả gốc và lãi là đến ngày 21/8/2026 tổng là **2.404.539.588 đồng** (hai tỷ bốn trăm linh bốn triệu năm trăm ba mươi chín nghìn năm trăm tám mươi tám đồng) gồm tiền gốc là 1.890.000.000 đồng và 514.539.588 đồng tiền lãi.

Căn cứ điều khoản tại Hợp đồng cho vay tiền, hai bên thỏa thuận trả lãi theo Ngân hàng cho vay, tuy nhiên không chỉ rõ là Ngân hàng nào.

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày tính lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng B tại các thời điểm, đối với thời điểm từ ngày 20/11/2025 đến thời điểm xét xử nguyên đơn không vay được Ngân hàng nên tính mức lãi là 9%/năm. Bị đơn đồng ý với mức % lãi suất và cách tính theo lãi suất như nguyên đơn đã tính, xin nguyên đơn được miễn lãi suất, hoặc chỉ tính lãi đến thời điểm xét xử. Nguyên đơn không đồng ý miễn, giảm lãi suất cho bị đơn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất tính lãi theo lãi suất cho vay, không có tranh chấp về lãi suất. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự mức % lãi suất của khoản tiền vay nguyên đơn đề nghị (đều dưới 10%), bị đơn thống nhất là có căn cứ chấp nhận.

Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả nợ gốc: 1.890.000.000 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng); tiền lãi là 514.539.588 đồng tiền lãi (năm trăm mười bốn triệu năm trăm ba mươi chín nghìn năm trăm tám mươi tám đồng); tổng số tiền phải trả là **2.404.539.588 đồng** (hai tỷ bốn trăm linh bốn triệu năm trăm ba mươi chín nghìn năm trăm tám mươi tám đồng).

[3] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị D, ông Đặng Trung H1 được chấp nhận, nên bị đơn bà Đinh Thị H2 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 80.090.792 đồng (tám mươi triệu không trăm chín mươi nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng). Trả lại cho bà Phạm Thị D, ông Đặng Trung H1 số tiền tạm ứng

án phí 38.781.300 đồng (ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi một nghìn ba trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001061 ngày 16/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 423, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị D, ông Đặng Trung H1:

Buộc bà Đinh Thị H2 trả cho bà Phạm Thị D, ông Đặng Trung H1 số tiền **2.404.539.588** đồng (hai tỷ bốn trăm linh bốn triệu năm trăm ba mươi chín nghìn năm trăm tám mươi tám đồng), (trong đó nợ gốc: 1.890.000.000 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng); tiền lãi 514.539.588 đồng tiền lãi (năm trăm mười bốn triệu năm trăm ba mươi chín nghìn năm trăm tám mươi tám đồng)).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 80.090.792 đồng (tám mươi triệu không trăm chín mươi nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng). Trả lại cho bà Phạm Thị D, ông Đặng Trung H1 số tiền tạm ứng án phí 38.781.300 đồng (ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi một nghìn ba trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001061 ngày 16/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt khi tuyên án không có lý do chính đáng nên nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự

năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - QN;
- Phòng THA KV1 -QN;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Huyền

